

Số/No: 94 – 2026/CV/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026
Hanoi, March 31, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK
DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND STOCK EXCHANGE'S PORTALS

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *HoChiMinh Stock Exchange*.

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Name of organization *FPT Securities Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/ *Stock code* : FTS
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 52 đường Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, Tp. Hà Nội
Address *No. 52 Lac Long Quan, Tay Ho Ward, Hanoi City*
- Điện thoại/ *Telephone* : 1900 6446
- Fax : (0243)773 9058
- Người thực hiện công bố thông tin/ : Trịnh Thanh Hằng
Submitted by
- Chức vụ : Chánh Văn phòng, Người ủy quyền CBTT
Position *Chief of Office, Person authorized to disclose information*



Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure:*

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ngày 31/3/2026.

The minutes and the resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 of FPT Securities Joint Stock Company on March 31, 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/3/2026 tại đường dẫn: <https://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

This information was published on FPT's website on March 31, 2026, as in the link: <https://www.fpts.com.vn/investor-relations/information-disclosure/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
The minutes of the Annual General Meeting of Shareholders 2026;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
The resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2026.

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người ủy quyền Công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Trịnh Thanh Hằng



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT****Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ngày 31/3/2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị: Việt Nam đồng

STT	Chi tiêu	Giá trị
I	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện từ các năm trước để lại tại ngày 31/12/2025	72.650.624.488
II	Lợi nhuận thực hiện năm 2025	
1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện năm 2025	617.304.580.480
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025	113.939.306.003
3	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025	503.365.274.477
III	Lợi nhuận có thể phân phối	576.015.898.965
IV	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025)	50.336.527.447
2	Cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%), tương đương 500 đồng/Cổ phiếu (*)	Tối đa 173.249.004.500
3	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	Tối đa 346.498.000.000
4	Phần lợi nhuận sau thuế đã thực hiện còn dư: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông.	

(*) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%). Thời hạn thực hiện: Dự kiến trong quý II/2026.

Điều 3: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026.

Điều 4: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

1. Đối với các thành viên độc lập HĐQT: Mức thù lao là 10.000.000 đồng/người/tháng.
2. Đối với các thành viên không độc lập HĐQT: Không nhận thù lao.

Điều 5: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Điều 6: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Điều 7: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Điều 8: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Ông Nguyễn Văn Dũng đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 9: Thông qua kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (mã: FTS).
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Khối lượng dự kiến phát hành: 34.649.800 cổ phiếu.
- Tổng mệnh giá phát hành: 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam cung cấp.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.

- *Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1* (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu phát hành mới).
- *Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 189 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $189 \times 10\% = 18,9$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 18 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- *Nguồn thực hiện phát hành:*
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: Tối đa 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- *Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng:* Cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng trừ trường hợp hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu phát sinh từ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 và năm 2025 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo tỷ lệ và thời gian tương ứng với số lượng cổ phiếu ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty).
- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến trong quý II-III/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- *Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cho cổ đông hiện hữu sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
- *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:*
 - o Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký phát hành, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán số cổ phiếu phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - o Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Phụ lục 1 của Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- o Thực hiện các thủ tục để Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT thông qua toàn văn bản tại cuộc họp ngày 31/3/2026. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các phòng ban chức năng và các cá nhân liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 12: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 31/3/2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Lưu FAD.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG



Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo, bao gồm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về Tổng kết tình hình hoạt động năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty;
- Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2026:

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA FPTS NĂM 2025

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 3,2%. Chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ với các gói áp thuế mới đã gây nên những xáo trộn trong dòng chảy thương mại và dòng vốn đầu tư trên toàn cầu. Thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực nợ cao và bất ổn địa chính trị. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, cho phép các Ngân hàng Trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất. Trong năm 2025 FED đã thực hiện cắt giảm lãi suất 3 lần, tổng cộng cắt giảm cả năm 2025 là 0,75% đưa lãi suất về 3,5%-3,75%.

Mức độ tăng trưởng tại các khu vực và các nền kinh tế lớn có sự phân hóa khác nhau. Theo dự báo của IMF, năm 2025 nhóm nền kinh tế tiên tiến bao gồm khu vực Bắc Mỹ và châu Âu đạt mức tăng trưởng 1,6%, trong khi đó khu vực châu Á Thái Bình Dương được dự báo tăng trưởng khá cao so với mức trung bình của thế giới, đạt khoảng 4,5%.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 8,02%, đạt mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2024. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%.

Số lượng đăng ký doanh nghiệp năm 2025 tăng cao nhờ Nghị quyết số 68-NQ/TW được triển khai và phát huy hiệu quả. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường đạt 297,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,4% so với năm trước, gấp 1,3 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế năm 2025 đạt gần 6,4 triệu tỷ đồng, tăng 77,8% so với năm 2024, trong đó số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt hơn 4,4 triệu tỷ đồng, tăng 118,3%.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong năm đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0%, là mức thực hiện cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

Năm 2025, FPTS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 617,3 tỷ đồng, hoàn thành 123,46% kế hoạch và tăng 20,4% so với năm 2024. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của FPTS đạt 13.919 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 4.420 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 3.059 tỷ đồng lên đến 3.465 tỷ đồng. Kết quả trên đã phản ánh nỗ

lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

- Về hoạt động dịch vụ giao dịch chứng khoán: FPTS đã mở mới 15.584 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.779 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2025. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2025 là 244.354 tài khoản chứng khoán cơ sở và 37.881 tài khoản chứng khoán phái sinh. Năm 2025, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại HOSE là 2,56% (ngoài Top 10), tại HNX là 2,92% (đứng thứ 8), tại sàn đăng ký giao dịch UPCoM là 3,62% (đứng thứ 8) và FPTS đứng thứ 8 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với 2,39%.
- Về hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: FPTS tiếp tục định hướng quản lý rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn, không xảy ra nợ xấu.
- Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp: Công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Năm 2025 doanh thu mảng này đã đạt 44,93 tỷ đồng.
- Về công nghệ: Công ty tiếp tục ưu tiên vấn đề nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm công nghệ và đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, Công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...
- Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.

2. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

2.1. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị

HĐQT luôn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ. Đồng thời, HĐQT tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực trên thế giới.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp dưới hình thức trực tiếp/trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT tham dự và cho ý kiến ở tất cả các cuộc họp. HĐQT đã thông qua 8 Nghị quyết để triển khai quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Chi tiết các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025 như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2025/NQ/HĐQT/FPTS	05/02/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025; Thông qua Chương trình hợp ĐHCĐ thường niên năm 2025
2	02-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Thống nhất triển khai thực hiện phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP), đồng thời giao cho Tổng giám đốc đại diện Công ty triển khai thực hiện
3	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa FPTS với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp
4	04-2025/NQ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý I năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2025; Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2025; Thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	05-2025/NQ/HĐQT/FPTS	21/5/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Trần Bình Trọng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh do thay đổi phương thức kinh doanh

6	06-2025/NQ/HĐQT/FPTS	11/6/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Kỳ Đồng và Phòng giao dịch Hàn Thuyên thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT do thay đổi phương thức kinh doanh
7	07-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý II năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2025; Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
8	08-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/10/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2025; Thông qua miễn nhiệm bà Trương Nữ Thu Lan thôi giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và bổ nhiệm ông Đinh Quang Thuận giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

2.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đồng thời việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở.

HĐQT đánh giá rằng Tổng giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tổng giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện các quyết định cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, hướng tới sự phát triển bền vững cho Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành thực hiện quản trị Công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông Công ty.

Trong năm Tổng giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2025, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của FPTC vẫn đảm bảo sự an toàn, chắc chắn; doanh thu đạt trên 132% và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt trên 123% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 đã đưa ra.

2.3. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện giám sát về báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, phòng chống rửa tiền và quản lý rủi ro; giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

3. TIỀN THỦ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, Tổng thù lao Ủy ban kiểm toán kiêm thành viên độc lập HĐQT là: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

4. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

4.1. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong dài hạn

HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của Công ty và các cổ đông của Công ty.

HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

HĐQT, Kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty;
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

4.2. Kế hoạch kinh doanh 2026

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	KH2026	TH2025	% tăng trưởng
Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính (tỷ đồng)	1.200	1.321,68	-9,21%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (tỷ đồng)	550	617,30	-10,90%

5. KẾT LUẬN

Trong năm 2025, Công ty đã đạt được lợi nhuận là 510,69 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 617,30 tỷ đồng, lợi nhuận chưa thực hiện là -106,61 tỷ đồng).

HĐQT Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. HĐQT đã thực hiện quản trị Công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Năm 2026 và các năm tới, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "S.G.P.01-C.T.C.P" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN" in the middle, and "FPT" in large letters at the bottom. Below "FPT" is "P. TÂY HỒ - T. P. HÀ NỘI". A black signature is written over the stamp.

NGUYỄN VĂN DŨNG



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. Tóm tắt Kết quả kinh doanh năm 2025

1. Phân tích tình hình kinh tế, thị trường chứng khoán

Kinh tế thế giới:

- Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, ở mức thấp.
- Chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ với các gói áp thuế mới.
- Nhiều Ngân hàng Trung ương của các nền kinh tế lớn đã cắt giảm lãi suất trong bối cảnh lạm phát hạ nhiệt. FED cắt giảm lãi suất 3 lần trong năm, tổng cộng cắt giảm cả năm 2025 là 0,75% đưa lãi suất về 3,5% - 3,75%.

Kinh tế trong nước:

- GDP tăng 8,02% (năm 2024 tăng 7,09%).
- CPI bình quân tăng 3,31% (năm 2024 tăng 3,63%).
- Xuất siêu hàng hóa dịch vụ 20,03 tỷ USD (năm 2024 xuất siêu hàng hóa 24,77 tỷ USD).
- Tăng trưởng tín dụng đến cuối năm 2025 khoảng 19,01% (năm 2024 tăng trưởng là 15,08%).
- Bội thu Ngân sách Nhà nước 246,6 ngàn tỷ đồng (năm 2024 bội thu 206,7 ngàn tỷ đồng).
- Doanh nghiệp thành lập mới, quay lại hoạt động: 297.500 doanh nghiệp (năm 2024 con số này là 233.400 doanh nghiệp).
- Doanh nghiệp phá sản, dừng hoạt động 227.200 doanh nghiệp (năm 2024 con số này là 197.900 doanh nghiệp).

Thị trường chứng khoán: thanh khoản cải thiện; chỉ số tăng, giảm trái chiều giữa hai sàn

- Chỉ số VN-Index tăng 40,87% (đầu năm 1.266,78, cuối năm 1.784,49).
- Chỉ số HNX-Index tăng 9,38% (đầu năm 227,43, cuối năm 248,77).
- Giá trị giao dịch trung bình ngày 29.328 tỷ VND/Cùng kỳ 21.098 tỷ VND, tăng 39%.
- Khối ngoại bán ròng hơn 135.329 tỷ đồng (năm 2024 bán ròng 93.000 tỷ đồng).
- Chứng khoán phái sinh đạt bình quân 243.418 hợp đồng/phiên, tăng 15,2% so với năm 2024.
- Số lượng tài khoản chứng khoán phái sinh toàn thị trường đến 31/12/2025 là 11.871.933 tài khoản, tăng 2.573.945 tài khoản (+27,68%) so với 9.297.988 tài khoản tại 31/12/2024.
- Sự cạnh tranh về khách hàng và thị phần diễn ra ngày càng khốc liệt giữa các Công ty chứng khoán.

Các sự kiện quan trọng với thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025:

- Hệ thống KRX được chính thức đưa vào vận hành vào đầu tháng 5/2025.
- 08/10/2025: FTSE Russell chính thức công bố lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên vào danh sách thị trường chứng khoán mới nổi thứ cấp (kỳ review tiếp theo Tháng 3/2026, hiệu lực 21/9/2026).
- Ngày 10/10, VNX đã ra mắt Hợp đồng tương lai VN100.
- Tỷ giá USD/VND tăng cao (chỉ số giá USD tăng 3.92%).
- Lần sóng IPO trong nửa cuối năm 2025: TCBS (TCX), VPBankS (VPX), VPS (VCK). Nhiều Công ty chứng khoán tiếp tục tăng vốn lớn.
- 22 doanh nghiệp niêm yết mới (năm 2024 có 10 doanh nghiệp niêm yết mới), 27 doanh nghiệp chuyển sàn.

2. Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 của FPTC

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2025 (tỷ đồng)	Kế hoạch Năm 2025 (tỷ đồng)	Thực hiện Năm 2024 (tỷ đồng)	% so với Kế hoạch	% so với Năm 2024
Doanh thu	1.321,68	1.000	1.006	132,17%	+31,4%
Lãi trước thuế đã thực hiện	617,30	500	513	123,46%	+20,4%

Các vấn đề khác:

- **Tổ chức, nhân sự:**
Trong năm 2025 về cơ bản Công ty giữ nguyên cơ cấu, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 458 người, cuối năm 415 người.
- **Công nghệ, sản phẩm dịch vụ:**
 - Ra mắt New Apps với nhiều cái tiến.
 - Thực hiện kết nối thành công với hệ thống KRX của các Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
 - Tiếp tục phát triển, nâng cấp hệ thống, hoàn thiện các tiện ích dành cho nhà đầu tư và khách hàng doanh nghiệp.
 - Thực hiện giảm phí giao dịch về Zero fee.
 - Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, gia tăng năng lực hệ thống và đảm bảo hệ thống được vận hành an toàn, ổn định để phục vụ khách hàng.
 - Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn đầu tư.
- **Quản lý rủi ro:**
Chủ động nhận dạng, đánh giá rủi ro để giảm thiểu rủi ro. Đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ.



- **Khác:**

- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%. Hoàn thành phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025 đã thông qua.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình và thực hiện đánh giá chất lượng.
- Trong hoạt động của mình, Công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty cũng đã phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức nhiều hội thảo để tăng sự hiểu biết của cộng đồng đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói chung. Đối với người lao động, Công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Dự báo thị trường năm 2026

Kinh tế thế giới:

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2026 được nhiều tổ chức lớn dự báo tăng trưởng chậm lại (từ 2,4% ~ 3,1%).
- Thương mại toàn cầu chịu tác động từ chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ.
- Địa chính trị còn tiềm ẩn nhiều bất ổn.

Kinh tế trong nước:

- Quốc hội thông qua kế hoạch GDP 2026 tăng trưởng từ 10% trở lên, CPI dưới 4,5%.
- Lãi suất xu hướng tăng.
- Tỷ giá USD/VND biến động khó lường.

Thị trường chứng khoán:

- Lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên vào danh sách thị trường chứng khoán mới nổi thứ cấp (kỳ review Tháng 3/2026, hiệu lực 21/9/2026).
- VSDC chuẩn bị triển khai cơ chế CCP cho thị trường chứng khoán cơ sở (dự kiến chính thức triển khai Quý I/2027).
- Các Công ty chứng khoán vẫn tiếp tục tăng vốn, đẩy mạnh các chương trình giảm phí giao dịch và lãi suất cho vay margin để thu hút khách hàng.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, Ban Tổng giám đốc FPTS đề xuất kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2026 như sau:

CHỈ TIÊU	TH 2025	KH 2026	+/-
Doanh số (tỷ đồng)	1.321,68	1.200	-9,21%
Lãi trước thuế đã thực hiện (tỷ đồng)	617,30	550	-10,90%

Các vấn đề khác:

- **Nhân sự:**
Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên.
- **Công nghệ, sản phẩm dịch vụ:**
 - Phát triển và cho ra đời sản phẩm/tiện ích mới dành cho khách hàng.
 - Ra mắt Web Trading mới.
 - Ứng dụng công nghệ AI vào các hoạt động.
 - Liên tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn.
 - Hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của FPTS. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động trong năm 2025.

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2025, Tổng thù lao Ủy ban kiểm toán kiêm thành viên độc lập HĐQT là: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán Năm 2025 Ủy ban kiểm toán đã tổ chức họp 02 lần. Kết luận của Ủy ban kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty

- Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành, phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Ban Tài chính Kế toán Công ty đã tuân thủ việc cung cấp thông tin tài chính hàng tháng, quý, năm một cách kịp thời và đầy đủ cho Ủy ban kiểm toán.
- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo trung thực, tin cậy, tuân thủ tính độc lập và khách quan khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.
- Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT năm 2025 đã được đảm bảo tốt. Việc kiểm soát chi phí và đảm bảo an toàn tài sản của Công ty được thực hiện tốt. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành nền năm 2025 FPT5 đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trước thuế đã thực hiện, hệ số an toàn tài chính rất cao, nằm trong TOP 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cả năm 2025 và TOP 10 Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Quý I/2025.

4. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, phòng chống rửa tiền và quản lý rủi ro của Công ty

- Việc thực hiện kiểm soát nội bộ được thực hiện tốt, đảm bảo các đơn vị nghiệp vụ thực hiện đúng quy trình. Trong năm 2025 các đơn vị nghiệp vụ đã kịp thời ban hành mới, cập nhật, sửa đổi các quy trình hiện có để đảm bảo tuân thủ các Quy định pháp luật và Quy định nội bộ của Công ty.
- Hoạt động phòng chống rửa tiền (PCRT) tại FPT5 đáp ứng khung pháp lý theo quy định. FPT5 đã ban hành quy trình phòng chống rửa tiền, thiết lập quy trình KYC/eKYC, phân loại rủi ro khách hàng, giám sát giao dịch, xây dựng hệ thống báo cáo và đào tạo nhân sự. Hệ thống PCRT được tích hợp trong khung kiểm soát nội bộ doanh nghiệp.
- Công ty đã xây dựng chính sách quản trị rủi ro năm 2025. Quy trình quản lý rủi ro được định kỳ được xem xét lại đảm bảo kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đánh giá cao sự thận trọng của Ban Tổng giám đốc trong việc lựa chọn danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ đảm bảo cho các giao dịch ký quỹ của các nhà đầu tư, đảm bảo hoạt động giao dịch ký quỹ luôn an toàn, hiệu quả, không phát sinh nợ xấu.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác

- Trong năm 2025, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Ủy ban kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- Ủy ban kiểm toán cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án kinh doanh phù hợp với tình hình trong nước và ngoài nước. Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo liên tục nghiên cứu và phát triển hệ thống công nghệ thông tin để cung cấp cho khách hàng những tiện ích ưu việt và đảm bảo sự hoạt động thông suốt, an toàn của hệ thống. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện kết nối thành công với hệ thống KRX của các SGDC và VSDC. Trong năm 2025 Công ty đã ra mắt New Apps với rất nhiều cải tiến.

6. Kết quả giám sát, đánh giá giao dịch với các bên có liên quan

Đánh giá giao dịch với các bên có liên quan theo Luật Doanh nghiệp, Ủy ban kiểm toán cho rằng các giao dịch của Công ty với người có liên quan theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Các giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2025 có giá trị rất nhỏ (chưa tới 0,4% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); trong phạm vi hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và được thực hiện dựa trên cơ sở công bằng và tự nguyện.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống qua toàn văn Báo cáo.

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



TRẦN THANH TÙNG

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán
và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị: Việt Nam đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện từ các năm trước để lại tại ngày 31/12/2025	72.650.624.488
II	Lợi nhuận thực hiện năm 2025	
1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện năm 2025	617.304.580.480
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025	113.939.306.003
3	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025	503.365.274.477
III	Lợi nhuận có thể phân phối	576.015.898.965
IV	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025)	50.336.527.447
2	Cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%), tương đương 500 đồng/Cổ phiếu (*)	Tối đa 173.249.004.500
3	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	Tối đa 346.498.000.000
4	Phần lợi nhuận sau thuế đã thực hiện còn dư: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông.	

(*) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%). Thời hạn thực hiện: Dự kiến trong quý II/2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán
Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

1. Đối với các thành viên độc lập HĐQT: Mức thù lao là 10.000.000 đồng/người/tháng.
2. Đối với các thành viên không độc lập HĐQT: Không nhận thù lao.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi và tài liệu so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (www.fpts.com.vn).

Điều lệ mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 31/3/2026 và thay thế cho Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Toàn văn Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi và tài liệu so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (www.fpts.com.vn).

Quy chế quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 31/3/2026 và thay thế cho Quy chế quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi
của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi và tài liệu so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (www.fpts.com.vn).

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 31/3/2026 và thay thế cho Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----000-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT của ông Nguyễn Văn Dũng nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Thông qua bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Hội đồng quản trị xin đề cử bà **Nguyễn Thị Thu Hương**, có lý lịch trích ngang đính kèm, làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
FPT
P. TÂY HỒ - T. PHẠNG

NGUYỄN VĂN DŨNG

LÝ LỊCH ỨNG VIÊN
CURRICULUM VITAE



THÔNG TIN CÁ NHÂN/ PERSONAL INFORMATION

Họ và tên/ Full name: Nguyễn Thị Thu Hương	Ngày sinh/ Date of birth: 26/10/1974 Nơi sinh/ Place of birth: Hưng Yên Giới tính/ Gender: <input type="checkbox"/> Nam/ Male <input checked="" type="checkbox"/> Nữ/ Female
Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam Dân tộc/ Ethnicity: Kinh	CCCD/Hộ chiếu số/ ID Card/Passport No.: Ngày cấp/ Date of issue: Nơi cấp/ Place of issue:
Địa chỉ thường trú/ Permanent address:	
Địa chỉ liên lạc/ Contact address:	

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN/ EDUCATIONAL BACKGROUND

Bằng cấp/ Qualification	Chuyên ngành/ Major	Tên trường đào tạo/ Name of institution
Cử nhân/ Bachelor's Degree	Kế toán/ Accounting	Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội/ Hanoi University of Finance and Accounting

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC/ WORK HISTORY

Thời gian/ Time	Nơi công tác/ Employer	Chức vụ/ Position
08/1994 – 06/2003	Công ty Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT/ The Corporation for Financing and Promoting Technology	Kế toán/ Accountant
07/2003 – 12/2003	Công ty TNHH Phân phối FPT/ FPT Distribution Company Limited	Kế toán tổng hợp/ General Accountant
01/2004 – 12/2006	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm FPT/ FPT Software Company Limited	Kế toán trưởng/ Chief Accountant
01/2007 – 06/2007	Công ty Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT/ The Corporation for Financing and Promoting Technology	Kế toán/ Accountant

07/2007 – 01/2026	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT/ <i>FPT Securities Joint Stock Company</i>	Kế toán trưởng/ Chief Accountant Trưởng ban Kế toán Tài chính/ Head of <i>Finance and Accounting</i>
04/2019 – nay/ now	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT/ <i>FPT Securities Joint Stock Company</i>	Phó Tổng giám đốc/ Deputy General <i>Director</i>

CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ KHÁC/ OTHER MANAGEMENT POSITIONS

Có/ Yes

Không/ No

.....
.....
.....
.....
.....

LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY INTERESTS RELATED TO THE COMPANY AND ITS RELATED PARTIES

Có/ Yes

Không/ No

.....
.....
.....
.....
.....

CÁC THÔNG TIN KHÁC/ OTHER INFORMATION

Tôi cam đoan những điều khai trong bản này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc cung cấp những thông tin trên. Tôi đồng ý cho Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT xác minh và sử dụng các thông tin trên.

I hereby certify that the information provided herein is true and accurate, and I accept full responsibility for the accuracy of such information. I authorize FPT Securities Joint Stock Company (FPTS) to verify and use the information for its intended purposes.

Hà Nội, ngày/ dated 06/3/2026

ỨNG VIÊN/ CANDIDATE

(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and full name)



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính; Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020; Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu của Công ty như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (mã: FTS).
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Khối lượng dự kiến phát hành: 34.649.800 cổ phiếu.

- *Tổng mệnh giá phát hành:* 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- *Đối tượng phát hành:* Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- *Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):* 10%.
- *Tỷ lệ thực hiện quyền:* 10:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu phát hành mới).
- *Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 189 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $189 \times 10\% = 18,9$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 18 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- *Nguồn thực hiện phát hành:*
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: Tối đa 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- *Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng:* Cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng trừ trường hợp hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu phát sinh từ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 và năm 2025 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo tỷ lệ và thời gian tương ứng với số lượng cổ phiếu ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty).
- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến trong quý II-III/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- *Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cho cổ đông hiện hữu sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký phát hành, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán số cổ phiếu phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Phụ lục 1 của Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục để Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN DŨNG





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)*

Hà Nội, tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động	7
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty.....	7
Điều 6. Các quy định về cấm và hạn chế.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU	8
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông - Chứng nhận sở hữu cổ phần	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	10
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	10
Điều 13. Phát hành trái phiếu	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	11
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 15. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thay đổi các quyền	17
Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 28. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 36. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	33
VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	33
Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	33
Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	34
Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	34
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 43. Người điều hành Công ty	35
Điều 44. Ban Tổng giám đốc, nhiệm vụ và quyền hạn, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc	35
Điều 45. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc	37
Điều 46. Bộ phận quản trị rủi ro	38
Điều 47. Thư ký Công ty	38
Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty	38
X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	39
Điều 49. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan	39
Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng	40
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 54. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
Điều 55. Phân phối lợi nhuận	43

Điều 56. Trích lập quỹ	43
Điều 57. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	43
XIV.TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 58. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 59. Năm tài chính.....	44
Điều 60. Chế độ kế toán	44
Điều 61. Kiểm toán.....	44
XV.BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
Điều 62. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	44
Điều 63. Báo cáo thường niên	45
Điều 64. Nghĩa vụ, nội dung công bố thông tin.....	45
Điều 65. Người công bố thông tin	45
XVI.DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	46
Điều 66. Dấu của doanh nghiệp.....	46
XVII.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN.....	46
Điều 67. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ Điều lệ	46
Điều 68. Tổ chức lại Công ty.....	47
Điều 69. Chấm dứt hoạt động.....	47
Điều 70. Thanh lý	47
Điều 71. Phá sản	48
XVIII.BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
Điều 72. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
XIX.NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 73. Ngày hiệu lực	48
PHỤ LỤC 01.....	49

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 31 tháng 3 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- b. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần.
- c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- e. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.
- g. "Người điều hành" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các nhân sự quản lý khác theo quy định của Công ty, được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT bổ nhiệm hay phê chuẩn làm người điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- h. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- k. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
- l. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

- m. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - n. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - o. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - p. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
 - q. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
- o Tên tiếng Anh: FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- o Tên giao dịch: FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- o Tên viết tắt: FPTS

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
- o Điện thoại: 1900 6446
- o Fax: 84-24-37739058
- o Website: www.fpts.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật:

- a. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được giao kết hợp đồng lao động với Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền, nghĩa vụ, chế độ tiền lương và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

5. Mạng lưới hoạt động

Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhất trí thông qua và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

7. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:

Công ty hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 69 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

Nguyên tắc hoạt động của Công ty: Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan. Công ty có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 6. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy phép thành lập và hoạt động và được công bố theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.

Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với các quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Cổ phần ưu đãi

- Công ty có thể phát hành cổ phần cho người lao động trong Công ty theo phương án phát hành của từng đợt khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công ty có thể phát hành các cổ phần ưu đãi khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông - Chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu

cổ phần của các cổ đông Công ty hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

3. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền.

4. Chứng chỉ chứng khoán khác như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Các cổ phần ưu đãi có các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay cho kỳ hạn một (01) năm được công bố cao nhất trong các Ngân hàng mà Công ty có giao dịch vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ

giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc với giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;
- b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

4. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua

lại phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty không phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ đối với số cổ phiếu được Công ty mua lại.

5. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

6. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
- b. Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- c. Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

Điều 13. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty

Bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan của chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại nắm giữ các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực tiếp thực hiện và báo cáo;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
5. Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ như nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty chứng khoán không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.
6. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:
 - a. Số cổ phần hoặc phần vốn góp bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;
 - b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.

Công ty phải báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo nghị quyết và các tài liệu liên quan cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị tổ chức, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và ngân sách dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực; số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - i. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- q. Quyết định thông qua các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty thực hiện giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một

(01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu của Công ty, phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, 23 và 24 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách này được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- f. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- g. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
- i. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung, theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết Đại hội đồng cổ đông theo một trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) hoặc thông tin đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử (trường hợp Công ty có áp dụng) trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2 Điều 146 của Luật Doanh nghiệp.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp:
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - c. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để

thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 24. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- e. Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức cuộc họp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4, và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu Hội đồng quản trị theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Người phụ trách quản trị Công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trong trường hợp này, biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).
- g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên trên năm (05) Công ty khác;
 - c. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một Công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

- d. Khi bắt đầu nhiệm kỳ tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, điều lệ Công ty, quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
 - a. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;
 - b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;
 - d. Đưa ra ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.
6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực;
8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 32. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

- q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng;
 - s. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - t. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - u. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;
 - v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - w. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - x. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - y. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - z. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy định về về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác;
 - aa. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
 - bb. Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
 - cc. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến khả năng tồn tại hay chấm dứt hoạt động của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được nhận lương và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định, quy chế nội bộ của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - h. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là tham gia tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua dưới hình thức họp trên điện thoại, hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản họp phải được tất cả thành viên Hội đồng quản trị xác nhận qua hòm thư điện tử mà thành viên đã đăng ký với Công ty.

12. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 10 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu tham dự để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 7 Điều 51 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

13. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 36. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập một hoặc nhiều tiểu ban trực thuộc. Số lượng thành viên cụ thể của mỗi tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định nhưng phải đảm bảo có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và phải đảm bảo đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ và trình Hội đồng quản trị thông qua.
7. Thành lập, quản lý và giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
 - h. Các nội dung khác (nếu có).

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác theo nhu cầu quản lý, điều hành tại từng thời kỳ.

Điều 43. Người điều hành Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng và các lợi ích liên quan khác. Tiền lương, thưởng và các lợi ích liên quan khác của Tổng giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Các Phó Tổng giám đốc, Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị phụ thuộc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Kế toán trưởng do Người đại diện theo pháp luật bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ Công ty.
4. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị đưa ra tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền lương của Tổng giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Ban Tổng giám đốc, nhiệm vụ và quyền hạn, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc.
2. Ban Tổng giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu tuân thủ quy định của pháp luật.
3. Ban Tổng giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan.
4. Tổng giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - c. Có thâm niên công tác ít nhất là ba (03) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
 - d. Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán;
 - e. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng giám đốc Công ty chứng khoán không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác;
 - f. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng.
5. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Quyền hạn và nghĩa vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty;
 - b. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
 - h. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - j. Tuyển dụng lao động;
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, và hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - l. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - n. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
 - o. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.

7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm: Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 5 điều này;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập với các bộ phận nghiệp vụ và chịu sự điều hành, quản lý của Tổng giám đốc Công ty.

2. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

- a. Hoạt động của Công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
- c. Hoạt động của Công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty;

3. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải thường xuyên và liên tục để chủ động đánh giá mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của Công ty;

4. Hoạt động kiểm soát nội bộ của Công ty được tiến hành thông qua các đợt kiểm soát nội bộ định kỳ và bất thường.

5. Bộ phận kiểm soát nội bộ có các nhiệm vụ:

- a. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty tại các bộ phận, đơn vị của Công ty. Báo cáo cho Ban Tổng giám đốc về việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty tại các bộ phận, đơn vị;
- b. Đề xuất các sửa đổi, bổ sung quy định kiểm soát nội bộ của Công ty;
- c. Đưa ra các Báo cáo, Khuyến nghị cho Ban Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng yêu cầu kiểm soát nội bộ;
- d. Đề xuất xử lý các vi phạm;
- e. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.

6. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- c. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

d. Yêu cầu khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 46. Bộ phận quản trị rủi ro

1. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ của bộ phận Quản trị rủi ro:

- a. Báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty về quản trị rủi ro tại các bộ phận, đơn vị của Công ty;
- b. Xem xét các quy định, quy trình đang được áp dụng để đảm bảo việc phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro theo các quy định về quản trị rủi ro của pháp luật và của Công ty. Đưa ra các Báo cáo, Khuyến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro;
- c. Tham gia khắc phục rủi ro khi xảy ra rủi ro;
- d. Theo dõi tình hình thị trường, cập nhật các chính sách, các văn bản pháp luật để kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại Công ty;
- e. Đề xuất các quy định, quy trình, biện pháp quản trị rủi ro khi xây dựng, triển khai các sản phẩm mới, dịch vụ mới;
- f. Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 47. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
3. Tham dự các cuộc họp;
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
5. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Trong trường hợp niêm yết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, một nhiệm kỳ là năm (05) năm và Người phụ trách quản trị Công ty có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 49. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông, hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này; Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên với một đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 và Khoản 8 Điều 25 Điều lệ này.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp

lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc kết hợp cả hai hình thức.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Trích lập quỹ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty sau khi Công ty thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

Điều 57. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 59. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 60. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 61. Kiểm toán

1. Công ty kiểm toán độc lập và các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua một danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 62. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 63. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 64. Nghĩa vụ, nội dung công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

- a. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.
- b. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:
 - Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty: www.fpts.com.vn;
 - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công bố thông tin

- a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường khi có phát sinh các sự kiện thuộc diện phải công bố thông tin bất thường theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- b. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công ty, báo cáo thường niên theo quy định pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 65. Người công bố thông tin

Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 66. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TÒ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN

Điều 67. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ Điều lệ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.
4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
 - b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 68. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 69. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Trường hợp Công ty tự giải thể trước khi kết thúc thời hạn hoạt động phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - e. Công ty bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi Giấy phép kinh doanh chứng khoán;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 70. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập và hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;

- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 71. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 72. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XIX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm mười chín (XIX) chương, bảy mươi ba (73) điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT nhất trí thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Hà Nội và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 3 năm 2026.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Diệp Tùng

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

STT	Tháng	Vốn điều lệ	Ghi chú
1	13/7/2007	200.000.000.000 VND	Thành lập Công ty
2	11/2007	440.000.000.000 VND	Tăng vốn từ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu cho CBNV
3	4/2011	550.000.000.000 VND	Tăng vốn từ phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities
4	6/2012	733.323.900.000 VND	Tăng vốn từ chia thưởng tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu
5	6/2015	806.648.700.000 VND	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1, cho cổ đông hiện hữu
6	6/2016	903.437.270.000 VND	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%
7	6/2017	993.769.520.000 VND	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%
8	6/2018	1.093.136.880.000 VND	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%
9	6/2019	1.202.440.510.000 VND	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%
10	7/2020	1.322.673.490.000 VND	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%
11	6/2021	1.454.930.970.000 VND	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%

12	7/2021	1.475.672.970.000 VND	Phát hành cổ phiếu theo chương trình chọn lựa cho người lao động trong Công ty năm 2021
13	9/2022	1.950.599.510.000 VND	- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2022 - Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20% - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022, tỷ lệ 10%
14	6/2023	2.145.649.870.000 VND	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%
15	6/2024	3.003.894.160.000 VND	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 40%
16	6/2024	3.059.193.660.000 VND	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024
17	6/2025	3.365.096.090.000 VND	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%
18	7/2025	3.464.980.090.000 VND	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2025

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập vào ngày thành lập Công ty

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMT/HC-ĐKKD	Số vốn góp (1.000VND)	Tỷ lệ nắm giữ (tại thời điểm thành lập)
1	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT, Người đại diện: Ông Trương Gia Bình			50.000.000	25,0%
2	Ông Lê Quang Tiến			8.000.000	4,0%

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMT/HC-ĐKKD	Số vốn góp (1.000VND)	Tỷ lệ nắm giữ (tại thời điểm thành lập)
3	Ông Bùi Quang Ngọc			5.000.000	2,5%
4	Ông Hoàng Minh Châu			4.000.000	2,0%
5	Ông Phan Ngô Tổng Hưng			4.000.000	2,0%
6	Bà Trương Thị Thanh Thanh			4.000.000	2,0%
7	Ông Đỗ Cao Bảo			4.000.000	2,0%
8	Ông Nguyễn Thành Nam			4.000.000	2,0%
9	Ông Nguyễn Điệp Tùng			8.000.000	4,0%
10	Ông Trương Đình Anh			4.000.000	2,0%
11	Ông Hoàng Nam Tiến			4.000.000	2,0%
			TỔNG CỘNG	99.000.000	49,5%



QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2026
của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)*

Hà Nội, tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	5
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	7
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	7
Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập.....	11
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	11
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	12
Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	15
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	16
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	16
Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 18. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 19. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.....	19
Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	20
Điều 21. Thành lập và Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ	20
CHƯƠNG IV: BAN ĐIỀU HÀNH	22
Điều 22. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành.....	22
Điều 23. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành	23
Điều 24. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành.....	23

Điều 25. Kiểm soát nội bộ	24
Điều 26. Quản trị rủi ro	24
Điều 27. Thư ký Công ty	24
Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty	24
CHƯƠNG V: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	25
Điều 29. Nguyên tắc phối hợp	25
Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành	25
CHƯƠNG VI: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	25
Điều 31. Đánh giá hoạt động	25
Điều 32. Khen thưởng.....	26
Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	26
CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	26
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác.....	26
Điều 35. Giao dịch với người có liên quan	27
Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	27
CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	28
Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	28
Điều 38. Công bố thông tin về quản trị Công ty	28
Điều 39. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	28
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	29
Điều 40. Sửa đổi bổ sung	29
Điều 41. Hiệu lực thi hành.....	29

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC là Thông tư ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC là Thông tư ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị Công ty: Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban trực thuộc, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Quản trị Công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;

- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
 - b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
 - c. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
 - d. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - f. "Người điều hành doanh nghiệp" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các nhân sự quản lý khác theo quy định của Công ty, được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT bổ nhiệm hay phê chuẩn làm người điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
 - g. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hay phê chuẩn.
 - h. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị Công ty. Quy chế quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định

hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
- f. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- g. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- h. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Ngoài ra, Quy chế quản trị Công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty; Quy định về Kiểm toán nội bộ; Quy định quản trị rủi ro; Quy trình kiểm soát nội bộ; Quyết định phân cấp thẩm quyền tài chính; Quy chế quản trị các đơn vị thành viên.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo các hình thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết

định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.

Công ty phải báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo nghị quyết và các tài liệu liên quan cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- b. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.
- d. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.
5. Chương trình, nội dung Đại hội
 - a. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty.
6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
 - b. Trong trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Trong trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
7. Điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.
8. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
 - a. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.
 - b. Cách thức bỏ phiếu:

Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; hoặc kết hợp cả hai hình thức trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

c. Cách thức kiểm phiếu:

- Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.
- Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp ĐHĐCĐ và bỏ vào thùng phiếu được niêm phong đặt tại phòng họp để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.
- Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo: số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.
- Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, kết quả sẽ được tổng hợp từ hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và kết quả từ Đại hội trực tiếp.

Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

d. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội

- đồng cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.
11. Cách thức phân phối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông
- a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
12. Hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
13. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
14. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Việc công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
15. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
16. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- f. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- g. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- h. Kết quả giám sát đối với các người điều hành khác;
- i. Các kế hoạch trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.
- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
- h. Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị
Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 31 Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.

- b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua đang có hiệu lực. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
- c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp.

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
3. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.
7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
8. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
9. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của HĐQT; điều khiển ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về công việc của mình;
2. Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp HĐQT; ĐHĐCĐ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;
4. Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
6. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ năm phần trăm (5%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
7. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này.
8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người thay mặt Chủ tịch HĐQT thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt.
 - b. Ký các văn bản được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
 - c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch HĐQT phân công và ủy quyền.

- d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện việc quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.
2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.
5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.
8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.
9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
11. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
12. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
13. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
14. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;
15. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

16. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác.
 - d. Vắng mặt nhưng gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị
 - a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

- b. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
 5. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 39 Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu, thành phần, tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban kiểm toán

Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị

- a. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị lựa chọn và không phải là người điều hành Công ty.

- b. Hội đồng quản trị miễn nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- c. Hội đồng quản trị bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Cuộc họp và cách thức thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty;
 5. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo khoản 2 Điều 8 Quy chế này và Quy chế kiểm toán nội bộ.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 21. Thành lập và Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1. Tiêu chuẩn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
 - a. Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
 - f. Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cơ cấu, thành phần của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
 - a. Số lượng thành viên của Bộ phận Kiểm toán nội bộ do Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm, nhưng phải đảm bảo có ít nhất ba (03) thành viên, các thành viên này có thể thuê từ bên ngoài;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ do Ủy ban kiểm toán chỉ định;
 - c. Thành viên thuộc Bộ phận Kiểm toán nội bộ có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phân công công việc cho các

thành viên của Bộ phận dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Bộ phận.

3. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

3.1. Nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

- a. Xây dựng quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại đơn vị trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt.
- b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- c. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- d. Kiểm tra xem xét đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ thuộc Ban Tổng giám đốc
- e. Đánh giá về hoạt động quản trị rủi ro của Công ty
- f. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định.
- g. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị giao hoặc theo quy định của pháp luật.

3.2. Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

- a. Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và của Công ty.
- b. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban kiểm toán về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- c. Kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc đơn vị.
- d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.
- e. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

3.3. Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

- a. Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ.
- b. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của đơn vị về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- c. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- d. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- e. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
 - f. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
 - g. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
 - h. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
 - i. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
4. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ:
- a. Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của Công ty chứng khoán, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của Công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, báo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;
 - b. Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty chứng khoán phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;
 - c. Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;
 - d. Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;
 - e. Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 22. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Ban điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc Công ty được quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.
3. Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
4. Kế toán trưởng của Công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

Điều 23. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có thẩm quyền thông qua các quyết định, hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - a. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị đến dưới năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b. Tổng giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này.
3. Phó Tổng giám đốc là người giúp việc của Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền.
4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc. Kế toán trưởng do Người đại diện theo pháp luật bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ Công ty.

3. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị đưa ra tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập với các bộ phận nghiệp vụ và chịu sự điều hành, quản lý của Tổng giám đốc Công ty.
2. Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Bộ phận kiểm soát nội bộ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy trình kiểm soát nội bộ.
3. Quy trình kiểm soát nội bộ do Tổng giám đốc ký ban hành.

Điều 26. Quản trị rủi ro

1. Công ty thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro để thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Chức năng nhiệm vụ và hoạt động của bộ phận Quản trị rủi ro được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy định quản trị rủi ro FPTS.
3. Quy định quản trị rủi ro FPTS do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này phải được Tổng giám đốc FPTS đề xuất bằng văn bản có ý kiến đồng thuận (Đồng ý 100%) của các thành viên Ban Tổng giám đốc.

Điều 27. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Trong trường hợp niêm yết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu

quá. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên HĐQT được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp HĐQT.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

CHƯƠNG VI: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 31. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 32. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khen thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
3. Chế độ khen thưởng:
 - a. Bằng tiền;
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (nếu có).
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và những người điều hành khác có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty và các trách nhiệm sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi

ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do FPTS nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty và chi tiết tại Quy định phân cấp thẩm quyền tài chính của Công ty.
2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty.
4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

- a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 38. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 39. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phí vật chất đối với các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm IX chương, 41 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT thống nhất thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được ủy quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 - 2026/NQ/ĐHĐCĐ/FPTS ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện việc quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.
2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.
5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.
8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.
9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.
11. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
12. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.
13. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
14. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

15. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
16. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên của trên năm (05) Công ty khác;
 - c. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một Công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - d. Khi bắt đầu nhiệm kỳ tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hay phê chuẩn.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua đang có hiệu lực. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có).

- g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng;
- s. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- t. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- u. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;
- v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- w. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- x. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- y. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- z. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy định về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác;
- aa. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- bb. Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- cc. Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến khả năng tồn tại hay chấm dứt hoạt động của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty
6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
2. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
5. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp

thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua đang có hiệu lực;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua đang có hiệu lực.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách này được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- f. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- g. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự

và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;

- i. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập một hoặc nhiều tiểu ban trực thuộc. Số lượng thành viên cụ thể của mỗi tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định nhưng phải đảm bảo có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị..
5. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác;
 - d. Vắng mặt nhưng gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là tham gia tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua dưới hình thức họp trên điện thoại, hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản họp phải được tất cả thành viên Hội đồng quản trị xác nhận qua hòm thư điện tử mà thành viên đã đăng ký với Công ty.

12. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 10 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu tham dự để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 51 của Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
13. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp Công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
9. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được nhận lương và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định, quy chế nội bộ của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT bao gồm 7 chương, 23 điều, được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG



BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 59/UBCK-GP Ngày cấp: 13/07/2007 Nơi cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Mã số doanh nghiệp:	0102324187
Thời gian họp:	Bắt đầu lúc 14 giờ 06 phút ngày 31/3/2026. Kết thúc hồi 16 giờ 15 phút ngày 31/3/2026.
Địa điểm họp:	Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Hội trường tầng 11, Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và trực tuyến tại địa chỉ: https://ezgsm.fpts.com.vn .
Chương trình và nội dung Đại hội:	Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (đính kèm Biên bản này).
Chủ tọa Đại hội:	Ông – Nguyễn Điệp Tùng – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
Ban kiểm phiếu:	Ông – Lê Minh Việt, Ông – Trần Anh Ngọc, Ông – Lê Hải Nam.
Thư ký Đại hội:	Bà – Đỗ Nhật Anh.
Tổng số cổ đông mời tham dự:	19.766 cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, đại diện cho 346.498.009 cổ phần, tương đương 346.498.009 phiếu biểu quyết (Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết), chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (theo danh sách Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày chốt 24/02/2026).
Hình thức họp:	Họp trực tiếp kết hợp họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
Phương thức biểu quyết:	Bỏ phiếu điện tử

Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, diễn biến và nội dung Đại hội như sau:

PHẦN I. GIỚI THIỆU KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. GIỚI THIỆU THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Ông Trần Anh Ngọc – Thay mặt Ban tổ chức đã giới thiệu Đại biểu và khách mời về dự Đại hội. Đại biểu gồm có:
 - **Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:**
 - Ông Nguyễn Điệp Tùng – Thành viên HĐQT
 - Ông Đỗ Sơn Giang – Thành viên HĐQT
 - Ông Kenji Nakanishi – Thành viên HĐQT
 - Ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập HĐQT
 - **Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty:**
 - Ông Nguyễn Điệp Tùng – Tổng giám đốc
 - Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Phó Tổng giám đốc
 - Các cổ đông, đại diện cổ đông của Công ty có mặt tham dự Đại hội
 - Và toàn thể các vị khách mời tham dự Đại hội

II. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

- Ông Lê Minh Việt – Đại diện Ban kiểm tra tư cách Đại biểu đọc Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Tính đến thời điểm 14 giờ 06 phút ngày 31/3/2026, số lượng Đại biểu tham gia Đại hội là: **82 Đại biểu**, trong đó:

- Trực tiếp: **13 Đại biểu**
- Trực tuyến: **69 Đại biểu**

Số lượng Đại biểu ủy quyền: **10 Đại biểu**, trong đó:

- ✓ **02** cổ đông ủy quyền cho **01** cổ đông hiện hữu.
- ✓ **08** cổ đông ủy quyền cho **08** người đại diện khác không phải cổ đông.

Đại diện cho: **232.642.415** cổ phần, tương đương **232.642.415** phiếu biểu quyết, chiếm: **67,1411%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, trong đó:

- Trực tiếp: **80.825.964** phiếu biểu quyết, chiếm: **23,3265%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- Trực tuyến: **151.816.451** phiếu biểu quyết, chiếm: **43,8145%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty

Cổ phần Chứng khoán FPT với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

III. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Trần Anh Ngọc – Thay mặt Ban tổ chức làm lễ chào cờ, tuyên bố khai mạc Đại hội.
2. Ông Trần Anh Ngọc trình bày trước Đại hội về việc ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 thực hiện ủy quyền cho ông Nguyễn Điệp Tùng – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT làm Chủ tọa Đại hội.
3. Ông Nguyễn Điệp Tùng đề cử Đoàn Chủ tịch, gồm:
 - Ông Nguyễn Điệp Tùng – Chủ tọa Đại hội
 - Ông Đỗ Sơn Giang – Thành viên HĐQT
 - Ông Kenji Nakanishi – Thành viên HĐQT
 - Ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập HĐQT
4. Ông Nguyễn Điệp Tùng – Chủ tọa Đại hội cử bà Đỗ Nhật Anh làm Thư ký Đại hội.
5. Ông Nguyễn Điệp Tùng – Chủ tọa Đại hội, đề cử các thành viên của Ban kiểm phiếu phục vụ cho Đại hội gồm:
 - Ông Lê Minh Việt – Trưởng ban
 - Ông Trần Anh Ngọc – Thành viên
 - Ông Lê Hải Nam – Thành viên
6. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Điệp Tùng thay mặt Ban tổ chức đọc Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
7. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Điệp Tùng thay mặt Ban tổ chức đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
8. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Danh sách Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức bằng phương thức bỏ phiếu điện tử. Ông Lê Minh Việt - Đại diện Ban kiểm phiếu đã công bố kết quả biểu quyết các nội dung như sau:

Tính đến thời điểm 14 giờ 25 phút ngày 31/3/2026:

- Số lượng Đại biểu tham gia: **91** Đại biểu
- Số lượng Đại biểu ủy quyền: **10** Đại biểu, trong đó:
 - ✓ **02** cổ đông ủy quyền cho **01** cổ đông hiện hữu.
 - ✓ **08** cổ đông ủy quyền cho **08** người đại diện khác không phải cổ đông.

Đại diện cho: **233.064.155** phiếu biểu quyết, chiếm: **67,2628%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cụ thể:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 91 đại diện cho 233.064.155 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 74 đại diện cho 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 17 đại diện cho 81.730 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0351% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Nội dung 01: Thông qua Đoàn Chủ tịch

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Danh sách Đoàn Chủ tịch đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.*

Nội dung 02: Thông qua Ban kiểm phiếu

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Danh sách Ban kiểm phiếu đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.*

Nội dung 03: Thông qua Chương trình họp

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Chương trình họp đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.*

Nội dung 04: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: *Quy chế tổ chức Đại hội đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.*

9. Kết thúc thủ tục khai mạc, ĐHĐCĐ bắt đầu chương trình theo Chương trình và Nội dung đã được Đại hội thông qua.

PHẦN II. DIỄN BIẾN NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

- Ông Nguyễn Điệp Tùng thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trình bày các báo cáo bao gồm:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc: Báo cáo tổng kết FPT5 năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh FPT5 năm 2026.

- Ông Trần Thanh Tùng thay mặt Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trình bày Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy ban kiểm toán.
- Ông Đỗ Sơn Giang – Thành viên HĐQT trình bày các nội dung cần xin ý kiến của Đại hội, cụ thể các nội dung trình Đại hội thông qua như sau:

Nội dung 1: Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị: Việt Nam đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện từ các năm trước để lại tại ngày 31/12/2025	72.650.624.488
II	Lợi nhuận thực hiện năm 2025	
1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện năm 2025	617.304.580.480
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025	113.939.306.003
3	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025	503.365.274.477
III	Lợi nhuận có thể phân phối	576.015.898.965
IV	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2025)	50.336.527.447
2	Cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%), tương đương 500 đồng/Cổ phiếu (*)	Tối đa 173.249.004.500
3	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	Tối đa 346.498.000.000
4	Phần lợi nhuận sau thuế đã thực hiện còn dư: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông.	

(*) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền (5%). Thời hạn thực hiện: Dự kiến trong quý II/2026.

Nội dung 3: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026.

Nội dung 4: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

1. Đối với các thành viên độc lập HĐQT: Mức thù lao là 10.000.000 đồng/người/tháng.
2. Đối với các thành viên không độc lập HĐQT: Không nhận thù lao.

Nội dung 5: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Nội dung 6: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Nội dung 7: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Nội dung 8: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Ông Nguyễn Văn Dũng).

Nội dung 9: Thông qua bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đề cử 01 người làm ứng cử viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028. Ngoài danh sách đề cử của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, không có cổ đông hay nhóm cổ đông nào tự ứng cử hay đề cử.

Danh sách ứng cử viên được đề cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 để đại hội tiến hành bầu cử, gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Nội dung 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu:

- *Tên cổ phiếu:* Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (mã: FTS).
- *Loại chứng khoán phát hành:* Cổ phiếu phổ thông.
- *Mệnh giá:* 10.000 đồng/cổ phiếu.
- *Khối lượng dự kiến phát hành:* 34.649.800 cổ phiếu.
- *Tổng mệnh giá phát hành:* 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- *Đối tượng phát hành:* Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam cung cấp.
- *Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):* 10%.
- *Tỷ lệ thực hiện quyền:* 10:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phiếu phát hành mới).

- *Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 189 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $189 \times 10\% = 18,9$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 18 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ hủy bỏ, không phát hành.
- *Nguồn thực hiện phát hành:*
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: Tối đa 346.498.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).
- *Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng:* Cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng trừ trường hợp hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu phát sinh từ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 và năm 2025 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo tỷ lệ và thời gian tương ứng với số lượng cổ phiếu ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty).
- *Thời gian thực hiện:* Dự kiến trong quý II-III/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- *Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cho cổ đông hiện hữu sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
- *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:*
 - o Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký phát hành, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán số cổ phiếu phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - o Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Phụ lục 1 của Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục để Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

II. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

Câu hỏi 1: Một cổ đông đặt câu hỏi:

Em xin phép được hỏi hai nội dung.

Thứ nhất, Ban lãnh đạo có thể giải thích sơ bộ về cơ chế giao dịch CCP mà VSDC đang chuẩn bị triển khai, đặc biệt là những điểm khác biệt so với cơ chế giao dịch hiện tại?

Thứ hai, FPTC có kế hoạch tăng vốn theo hình thức yêu cầu cổ đông hiện hữu góp thêm vốn hay không, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác trong hoạt động cho vay margin? Bởi vì trong năm ngoái, các công ty chứng khoán khác đã tăng vốn khá mạnh.

Ông Nguyễn Điệp Tùng trả lời:

Vâng, xin cảm ơn. Tôi xin trả lời.

Thứ nhất, CCP không liên quan trực tiếp đến cơ chế giao dịch của nhà đầu tư trên thị trường. Đây là cơ chế bù trừ trung tâm, tức là cơ chế thanh toán bù trừ của Tổng công ty Lưu ký. Cơ chế này là tiền đề để trong tương lai có thể triển khai các nghiệp vụ như vay – cho vay chứng khoán, tiền tới bán khống hoặc giao dịch trong ngày. Tuy nhiên, hiện tại cơ chế này chưa ảnh hưởng ngay đến hoạt động giao dịch của nhà đầu tư trên thị trường.

Thứ hai, FPTC đến thời điểm hiện tại chưa có kế hoạch huy động vốn từ cổ đông để nộp thêm tiền vào nhằm tăng vốn. Thực tế, trên thị trường có nhiều công ty chứng khoán đã tăng vốn rất lớn, nhưng phần lớn là các công ty chứng khoán trực thuộc ngân hàng, có lợi thế về nguồn vốn được điều chuyển từ ngân hàng mẹ. Vì vậy, việc cạnh tranh không nhất thiết phải chạy theo xu hướng này. Bởi lẽ, ngay cả khi cố gắng huy động thêm từ cổ đông thì cũng chưa chắc có thể cạnh tranh được với các công ty chứng khoán trực thuộc ngân hàng.

Do đó, chúng ta cần dựa trên năng lực và thế mạnh của mình để cạnh tranh một cách thông minh hơn, thay vì làm theo cách mà các công ty khác đang thực hiện.

Câu hỏi 2: Một cổ đông tiếp tục đặt câu hỏi:

Em xin phép được hỏi thêm một số nội dung liên quan đến kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Thứ nhất, theo báo cáo và tờ trình của Ban Tổng giám đốc, ngành chứng khoán trong năm 2025 ghi nhận tăng trưởng cả về số lượng tài khoản mở mới cũng như thanh khoản thị trường, em được biết khoảng hơn 30%. Tuy nhiên, trong kết quả

kinh doanh của Công ty, em thấy doanh thu từ hoạt động môi giới lại có sự suy giảm. Vậy cơ sở nào dẫn đến tình trạng này?

Thứ hai, em nhận thấy trong cơ cấu tài sản, khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ báo cáo tài chính vẫn ở mức hơn 30 tỷ đồng, tức là Công ty vẫn đang duy trì lượng tiền tương đối lớn. Vậy Công ty có định hướng như thế nào để sử dụng hiệu quả nguồn tiền này?

Bên cạnh đó, trong bối cảnh các công ty chứng khoán, đặc biệt là các công ty có ngân hàng hậu thuẫn, đã tăng vốn mạnh trong năm 2025 nhằm mở rộng hoạt động cho vay margin và nâng cao năng lực cạnh tranh, thì năng lực cạnh tranh cốt lõi của Công ty là gì? Và Công ty sẽ có những giải pháp nào để tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông trong năm 2026?

Em xin cảm ơn.

Ông Nguyễn Điệp Tùng trả lời:

Tôi xin trả lời ý thứ nhất. Việc chỉ số thị trường tăng và giá trị giao dịch bình quân ngày tăng, nhưng doanh thu của Công ty lại giảm, là do mức độ cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay, nhiều công ty chứng khoán, bao gồm cả các công ty quy mô vừa và lớn, đều đã thực hiện giảm phí đối với khách hàng giao dịch chủ động. Nếu chúng ta không thực hiện giảm phí, sẽ dẫn đến mất thị phần, mà mất thị phần sẽ ảnh hưởng đến triển vọng dài hạn.

Do đó, khi giảm phí, doanh thu từ hoạt động môi giới khó có thể tăng tương ứng với mức tăng của giá trị giao dịch thị trường. Đây là một sự lựa chọn bắt buộc trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay. Nếu không giảm phí, có thể đảm bảo lợi ích trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, việc điều chỉnh phí không phải là câu chuyện đơn giản, không phải hôm nay giảm chậm lại rồi sau đó dễ dàng tăng trở lại khi thị phần tăng lên. Vì vậy, Công ty đã lựa chọn định hướng ưu tiên cho mục tiêu dài hạn.

Thứ hai, số dư tiền trên bảng cân đối kế toán. Đây là con số tại một thời điểm, không phản ánh việc tiền luôn ở trạng thái nhàn rỗi trong suốt kỳ hoạt động. Thời điểm 31/12 thường là thời điểm đặc biệt đối với các ngân hàng và tổ chức tài chính, nên số dư tiền có thể tăng lên. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là toàn bộ số tiền này không được sử dụng để sinh lời trong các thời điểm khác.

Quan trọng hơn, Công ty phải đảm bảo khả năng thanh toán, tức là luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu rút tiền của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào. Từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa từng chậm trễ trong bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào. Nếu sử dụng tối đa nguồn tiền để tối ưu hóa lợi nhuận, có thể phát sinh rủi ro về thanh khoản, và đây là rủi ro lớn hơn nhiều đối với một tổ chức tài chính. Vì vậy, Công ty cân cân đối giữa hiệu quả sinh lời và mức độ an toàn thanh khoản.

Tôi xin hết. Nếu quý cổ đông còn nội dung chưa rõ, có thể tiếp tục trao đổi thêm.

Câu hỏi 3: Một cổ đông tiếp tục đặt câu hỏi:

Em xin phép được hỏi Ban lãnh đạo một nội dung.

Ban lãnh đạo có thể cập nhật chi tiết hơn về danh mục tự doanh tại thời điểm hiện tại, cụ thể là đang tập trung vào nhóm tài sản hoặc các mã cổ phiếu nào? Đồng thời, hiệu quả đầu tư từ đầu năm đến nay đang ở trạng thái lãi hay lỗ? Em xin cảm ơn.

Ông Nguyễn Điệp Tùng trả lời:

Có lẽ cổ đông là cổ đông mới, bởi vì các cổ đông đã gắn bó lâu với FTS đều biết rằng Công ty không thực hiện hoạt động tự doanh trên sàn.

Danh mục tự doanh của Công ty phần lớn là khoản cổ phiếu May Sông Hồng và các cổ phiếu lẻ mua từ nhà đầu tư. Khoản đầu tư cổ phiếu May Sông Hồng đã được thực hiện từ hơn 10 năm trước, không phải là khoản đầu tư mới.

Vì vậy, việc cập nhật tình hình danh mục tự doanh theo nghĩa thông thường là không thực sự có nhiều ý nghĩa. Nếu cổ đông muốn xem chi tiết các cổ phiếu lẻ, thì danh mục này có thể rất dài, lên tới hàng chục trang. Tuy nhiên, đây không phải là hoạt động tự doanh theo đúng nghĩa, mà là nghiệp vụ xử lý cổ phiếu lẻ. Không rõ cổ đông đã nắm rõ nội dung này hay chưa.

Câu hỏi 4: Một cổ đông có mã số cổ đông 3393 đặt câu hỏi:

Xin chào Đoàn Chủ tịch, chào Đại hội. Tôi có ba gợi ý đối với FPTIS như sau:

Thứ nhất, về việc “săn cá voi” và thu hút dòng vốn ngoại. Mục tiêu là đón đầu làn sóng nâng hạng thị trường theo FTSE vào năm 2026, để đa dạng hóa nguồn thu. Kết quả kỳ vọng là tỷ trọng doanh thu từ khối ngoại đạt 15–20%, ký kết với hai quỹ ngoại lớn. Giải pháp là xây dựng đội ngũ bán hàng, tổ chức chuyên biệt và chuẩn hóa các báo cáo phân tích bằng tiếng Anh. Thời hạn hoàn thiện bộ máy là trước quý III/2026. Nguồn lực gồm Giám đốc Phân tích phụ trách. Ngân sách đầu tư cho dữ liệu từ Bloomberg và Reuters.

Thứ hai, về thế hệ Gen Z và số hóa trải nghiệm đầu tư. Mục tiêu là trẻ hóa tệp khách hàng để tạo tăng trưởng dài hạn trong kỷ nguyên số. Kết quả kỳ vọng là nhà đầu tư dưới 30 tuổi chiếm 40% lượng mở mới, số lượng người dùng ứng dụng di động tăng 25%. Giải pháp là phát triển ứng dụng tích hợp tư vấn tự động (robo-advisor) và triển khai các chương trình đào tạo tài chính trực tuyến. Thời hạn ra mắt phiên bản mới dự kiến trong quý II/2026. Nguồn lực là sự phối hợp giữa Giám đốc Sản phẩm và Marketing, cùng ngân sách từ Quỹ phát triển công nghệ thông tin.

Thứ ba, về quản trị vận hành nhằm tối ưu chi phí giao dịch. Mục tiêu là duy trì và nâng cao hiệu quả trong bối cảnh phí giao dịch giảm, với kỳ vọng giảm 5% tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu và tự động hóa khoảng 80% các nghiệp vụ vận hành. Giải pháp là áp dụng công nghệ RPA (Robotic Process Automation) trong kiểm soát rủi ro và phê duyệt hồ sơ tự động. Thời hạn là hoàn tất chuyển đổi sang quy trình không giấy tờ vào quý IV/2026. Nguồn lực do Giám đốc Vận hành chủ trì, với ngân sách đầu tư một lần cho hệ thống tự động hóa.

Xin trân trọng cảm ơn.

Ông Nguyễn Điệp Tùng trả lời:

Xin cảm ơn. Đối với các ý kiến đóng góp của quý cổ đông, với những nội dung gợi ý đã nêu, Ban điều hành sẽ nghiên cứu và xem xét; những nội dung phù hợp, có thể áp dụng được, chúng tôi sẽ triển khai trong hoạt động của Công ty.

Còn đối với các công việc như tối ưu hóa hiệu quả, giảm chi phí hay phát triển các sản phẩm mới, đây là những nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, mức độ triển khai đến đâu và khả năng đáp ứng nhu cầu như thế nào còn phụ thuộc vào sự phát triển của công nghệ cũng như mức độ đầu tư của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn những đóng góp của quý cổ đông.

PHẦN III. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT

- Ông Trần Anh Ngọc – Thành viên Ban kiểm phiếu, thay mặt Ban kiểm phiếu điều hành phần biểu quyết các nội dung xin ý kiến Đại hội.
- Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử để thông qua tất cả các nội dung đã được trình bày ở “Mục I. Nội dung các báo cáo và tờ trình” tại “Phần II. Diễn biến nội dung cuộc họp” phía trên.
- Đại hội nghị giải lao và Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu điện tử.
- Ông Lê Minh Việt - Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung và bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

I. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Tính đến thời điểm 15 giờ 21 phút ngày 31/3/2026:

- Số lượng Đại biểu tham gia: 97 Đại biểu
- Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12 Đại biểu, trong đó:
 - ✓ 02 cổ đông ủy quyền cho 01 cổ đông hiện hữu.
 - ✓ 10 cổ đông ủy quyền cho 10 người đại diện khác không phải cổ đông.

Đại diện cho: 233.613.969 phiếu biểu quyết, chiếm: 67,4214% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cụ thể:

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 97 đại diện cho 233.613.969 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 76 đại diện cho 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: 21 đại diện cho 701.605 phiếu biểu quyết, chiếm 0,3003% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết chi tiết như sau:

1. Nội dung 01: Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%.

2. Nội dung 02: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%.

3. Nội dung 03: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.829.113 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6640% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 02 đại diện cho: 80.250 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0344% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6640%.

4. Nội dung 04: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.901.363 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6950% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 04 đại diện cho: 7.201 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0031% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6950%.

5. Nội dung 05: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%

6. Nội dung 06: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%.

7. Nội dung 07: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%.

8. Nội dung 08: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Ông Nguyễn Văn Dũng).

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 70 đại diện cho: 232.896.663 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6930% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 05 đại diện cho: 11.901 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0051% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6930%.

9. Nội dung 09: Thông qua bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997%

tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.901.963 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6952% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 04 đại diện cho: 6.601 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0028% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6952%.

10. Nội dung 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.905.564 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 02 đại diện cho: 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ : 99,6968%.

II. KẾT QUẢ BẦU CỬ BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2028

Tổng số tờ phiếu phát ra: 97 đại diện cho 233.613.969 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 60 đại diện cho 232.991.265 phiếu biểu quyết, chiếm 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 37 đại diện cho 622.704 phiếu biểu quyết, chiếm 0,2666% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số tờ phiếu hợp lệ: 60 đại diện cho: 232.991.265 phiếu biểu quyết, chiếm 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả bầu cử chi tiết như sau:

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Thị Thu Hương

Số phiếu tán thành: 60 đại diện 232.991.265 phiếu bầu, chiếm 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 là: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

PHẦN IV. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Bà Đỗ Nhật Anh - Thư ký Đại hội trình bày Dự thảo Biên bản Đại hội để Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Ông Nguyễn Điệp Tùng - Chủ tọa Đại hội trình bày Dự thảo Nghị quyết Đại hội để Đại hội biểu quyết thông qua.

Ông Lê Minh Việt - Đại diện Ban kiểm phiếu đã công bố kết quả biểu quyết thông qua Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT bằng phương thức bỏ phiếu điện tử với kết quả như sau:

Tính đến thời điểm 16 giờ 10 phút ngày 31/3/2026:

- Số lượng Đại biểu tham gia: 98 Đại biểu
- Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12 Đại biểu, trong đó:
 - ✓ 02 cổ đông ủy quyền cho 01 cổ đông hiện hữu.
 - ✓ 10 cổ đông ủy quyền cho 10 người đại diện khác không phải cổ đông.

Đại diện cho: 233.619.269 phiếu biểu quyết, chiếm: 67,4230% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, cụ thể:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 98 đại diện cho 233.619.269 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 78 đại diện cho 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 20 đại diện cho 147.320 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0631% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Nội dung 01: Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 78 đại diện cho: 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- *Tổng số tờ phiếu tán thành: 74 đại diện cho: 233.465.144 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9340% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*
- *Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.005 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9340%.

Nội dung 02: Thông qua Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 78 đại diện cho: 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 74 đại diện cho: 233.465.144 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9340% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 01 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 03 đại diện cho: 3.005 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9340%.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Đại hội đã biểu quyết và thông qua các vấn đề thuộc nội dung chương trình họp của Đại hội, cụ thể như sau:

STT	Vấn đề được thông qua	Tỷ lệ biểu quyết thông qua
1	Nội dung 01: Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán	99,6968%
2	Nội dung 02: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	99,6968%
3	Nội dung 03: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026	99,6640%
4	Nội dung 04: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026	99,6950%
5	Nội dung 05: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	99,6968%

STT	Vấn đề được thông qua	Tỷ lệ biểu quyết thông qua
6	Nội dung 06: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	99,6968%
7	Nội dung 07: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	99,6968%
8	Nội dung 08: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Ông Nguyễn Văn Dũng)	99,6930%
9	Nội dung 09: Thông qua bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 Kết quả bầu cử: Họ và tên ứng viên: Nguyễn Thị Thu Hương Số phiếu tán thành: 60 đại diện 232.991.265 phiếu bầu, chiếm 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.	99,6952%
10	Nội dung 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	99,6968%

4. Ông Nguyễn Điệp Tùng – Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.
5. Cuộc họp kết thúc lúc 16 giờ 15 phút ngày 31/3/2026.
6. Các tài liệu kèm theo Biên bản họp:
 - Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được Đại hội thông qua;
 - Biên bản kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đã được công bố tại Đại hội;
 - Danh sách cổ đông/người đại diện của cổ đông tham dự Đại hội.

THƯ KÝ



ĐỖ NHẬT ANH

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Tel: 19006446 – Fax: (84-24) 3773 9058 – Website: www.fpts.com.vn

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 14h00, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Địa điểm: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

STT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
1	14:00	Đăng ký Đại biểu	Ban tổ chức
2	14:20	Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội	Đại diện Ban kiểm tra tư cách Đại biểu
		Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu, Chủ tịch đoàn, chỉ định Thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu và Thông qua chương trình và nội dung Đại hội	Chủ tọa
3	14:30	Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT), Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (BTGD)	Chủ tọa
4	14:45	Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán (UBKT)	Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT
5	14:50	<p>Các tờ trình:</p> <ol style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Tổng giám đốc và thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán;Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026;Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị năm 2026;Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;	Đại diện HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Tel: 19006446 – Fax: (84-24) 3773 9058 – Website: www.fpts.com.vn

		<p>8. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (Ông Nguyễn Văn Dũng);</p> <p>9. Thông qua bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT nhiệm kỳ 2023 – 2028;</p> <p>10. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu năm 2026.</p>	
6	15:10	Thảo luận	Chủ tọa
7	15:30	Hướng dẫn biểu quyết	Đại diện Ban kiểm phiếu
		Đại biểu biểu quyết	
8	15:40	Nghỉ giải lao	
9	16:00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Đại diện Ban kiểm phiếu
10	16:10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Chủ tọa Thư ký Đại hội
11	16:30	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026
Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Vào hồi 14 giờ 06 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường tầng 11, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

Ông: Lê Minh Việt

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm tra tư cách Đại biểu

Ông: Lê Hải Nam

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

Ông: Trần Anh Ngọc

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

Theo quy định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 với kết quả như sau:

Số lượng Đại biểu tham gia: **82**, trong đó:

- Trực tiếp: **13**
- Trực tuyến: **69**

Số lượng Đại biểu ủy quyền: **10**

Đại diện cho: **232.642.415** phiếu biểu quyết chiếm: **67,1411%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, trong đó:

- Trực tiếp: **80.825.964** phiếu biểu quyết, chiếm: **23,3265%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- Trực tuyến: **151.816.451** phiếu biểu quyết, chiếm: **43,8145%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi 14 giờ 06 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

THÀNH VIÊN



Lê Hải Nam

THÀNH VIÊN



Trần Anh Ngọc

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

TRƯỞNG BAN



Lê Minh Việt

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Vào hồi 14 giờ 25 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường tầng 11, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Lê Minh Việt

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Lê Hải Nam

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ông : Trần Anh Ngọc

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

Số lượng Đại biểu tham gia: 91

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 10

Đại diện cho: **233.064.155** phiếu biểu quyết

Chiếm: **67,2628%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **91** đại diện cho **233.064.155** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **74** đại diện cho **232.982.425** phiếu biểu quyết, chiếm **99,9649%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **17** đại diện cho **81.730** phiếu biểu quyết, chiếm **0,0351%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua Đoàn chủ tịch

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **74** đại diện cho: **232.982.425** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9649%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **73** đại diện cho: **232.978.625** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9633%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **3.800** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0016%**

tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.

Nội dung 02: Thông qua Ban kiểm phiếu

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.

Nội dung 03: Thông qua Chương trình họp

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.

Nội dung 04: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 74 đại diện cho: 232.982.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9649% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.978.625 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9633% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9633%.

Biên bản được lập lúc 14 giờ 40 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Chứng khoán FPT Năm 2026.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Hải Nam

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Lê Minh Việt

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Trần Anh Ngọc

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Vào hồi 15 giờ 21 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường tầng 11, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Lê Minh Việt

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Lê Hải Nam

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ông : Trần Anh Ngọc

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

Số lượng Đại biểu tham gia: 97

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12

Đại diện cho: **233.613.969** phiếu biểu quyết

Chiếm: **67,4214%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **97** đại diện cho **233.613.969** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **76** đại diện cho **232.912.364** phiếu biểu quyết, chiếm **99,6997%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **21** đại diện cho **701.605** phiếu biểu quyết, chiếm **0,3003%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua các Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **76** đại diện cho: **232.912.364** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6997%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **72** đại diện cho: **232.905.563** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6968%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6968%.

Nội dung 02: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6968%.

Nội dung 03: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá và lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.829.113 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6640% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 2 đại diện cho: 80.250 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0344% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6640%.

Nội dung 04: Thông qua mức Thù lao Hội đồng quản trị năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.901.363 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6950% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 4 đại diện cho: 7.201 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0031% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6950%.

Nội dung 05: Thông qua Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 72 đại diện cho: 232.905.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.001 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ **99,6968%**.

Nội dung 06: Thông qua Quy chế quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **76** đại diện cho: **232.912.364** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6997%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **72** đại diện cho: **232.905.563** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6968%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **3.800** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0016%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **3** đại diện cho: **3.001** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0013%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ **99,6968%**.

Nội dung 07: Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **76** đại diện cho: **232.912.364** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6997%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **72** đại diện cho: **232.905.563** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6968%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **3.800** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0016%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **3** đại diện cho: **3.001** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0013%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6968%.

Nội dung 08: Thông qua miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 70 đại diện cho: 232.896.663 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6930% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 5 đại diện cho: 11.901 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0051% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6930%.

Nội dung 09: Thông qua bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 71 đại diện cho: 232.901.963 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6952% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 4 đại diện cho: 6.601 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0028% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6952%.

Nội dung 10: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần năm 2026 từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 76 đại diện cho: 232.912.364 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6997% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 73 đại diện cho: 232.905.564 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6968% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 3.000 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6968%.

Biên bản được lập lúc 15 giờ 21 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Chứng khoán FPT Năm 2026.

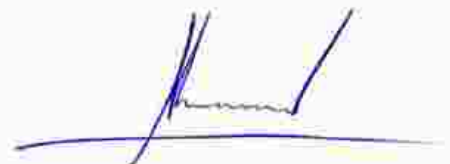
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Hải Nam

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Lê Minh Việt

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Trần Anh Ngọc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Vào hồi 15 giờ 22 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường tầng 11, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Lê Minh Việt	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Lê Hải Nam	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : Trần Anh Ngọc	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

Số lượng Đại biểu tham gia: 97

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12

Đại diện cho: **233.613.969** phiếu biểu quyết

Chiếm: **67,4214%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028

Tổng số tờ phiếu phát ra: **97** đại diện cho: **233.613.969** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **60** đại diện cho: **232.991.265** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,7334%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **37** đại diện cho: **622.704** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,2666%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số tờ phiếu hợp lệ: **60** đại diện cho: **232.991.265** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,7334%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả chi tiết :

Họ và tên ứng viên: **Nguyễn Thị Thu Hương**
Số tờ phiếu tán thành: 60 đại diện 232.991.265 phiếu bầu chiếm: 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vật danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị gồm 1 ứng cử viên sau:

Họ và tên ứng viên: **Nguyễn Thị Thu Hương**
Số tờ phiếu tán thành: 60 đại diện 232.991.265 phiếu bầu chiếm: 99,7334% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Biên bản được lập lúc 15 giờ 22 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

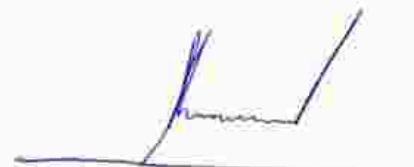
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Hải Nam

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Lê Minh Việt

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Trần Anh Ngọc

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Vào hồi 16 giờ 10 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường tầng 11, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Lê Minh Việt

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Lê Hải Nam

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ông : Trần Anh Ngọc

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

Số lượng Đại biểu tham gia: 98

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 12

Đại diện cho: 233.619.269 phiếu biểu quyết

Chiếm: 67,4230% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 98 đại diện cho 233.619.269 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 78 đại diện cho 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 20 đại diện cho 147.320 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0631% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 78 đại diện cho: 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 74 đại diện cho: 233.465.144 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9340% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016%

tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.005 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9340%.

Nội dung 02: Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 78 đại diện cho: 233.471.949 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9369% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 74 đại diện cho: 233.465.144 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9340% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 3.800 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0016% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 3 đại diện cho: 3.005 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9340%.

Biên bản được lập lúc 16 giờ 11 phút ngày 31 tháng 3 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Chứng khoán FPT Năm 2026.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Lê Hải Nam

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Lê Minh Việt

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Trần Anh Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Ban kiểm tra tư cách đại biểu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HÀNH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Giờ in báo cáo: 16 giờ 15 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2026

STT	MÃ ĐẠI BIỂU	TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI DIỆN	TỶ LỆ
1	FTS.004655	128.700	0,0371%
2	FTS.011947	190.480	0,0550%
3	FTS.009936	310.050	0,0895%
4	FTS.002107	803.980	0,2320%
5	FTS.005715	30.000	0,0087%
6	FTS.003025	227.040	0,0655%
7	FTS.007818	384.970	0,1111%
8	FTS.006937	1.000	0,0003%
9	FTS.009755	31.300	0,0090%
10	FTS.009574	330.940	0,0955%
11	FTS.019715	59.156.178	17,0726%
12	FTS.019732	4.323.000	1,2476%
13	FTS.012583	633.355	0,1828%
14	FTS.019727	606.679	0,1751%
15	FTS.004877	232.460	0,0671%
16	FTS.007002	77.077	0,0222%
17	FTS.019725	7.923.328	2,2867%
18	FTS.010313	338.475	0,0977%
19	FTS.006285	400	0,0001%
20	FTS.007332	5.541.754	1,5994%
21	FTS.005469	16.738.409	4,8307%
22	FTS.012994	16.438.841	4,7443%
23	FTS.009573	15.730.165	4,5398%
24	FTS.011703	15.821.552	4,5661%
25	FTS.007392	273.215	0,0789%
26	FTS.010987	15.000	0,0043%
27	FTS.018095	100	0,0000%
28	FTS.003909	400	0,0001%
29	FTS.000436	50	0,0000%
30	FTS.012448	151.700	0,0438%
31	FTS.016430	60.000	0,0173%
32	FTS.011442	713.323	0,2059%
33	FTS.018884	288.715	0,0833%
34	FTS.012727	21.600	0,0062%
35	FTS.015867	300	0,0001%
36	FTS.003564	400	0,0001%
37	FTS.010597	1.513.723	0,4369%
38	FTS.017562	2	0,0000%
39	FTS.004951	88	0,0000%
40	FTS.012318	271.762	0,0784%

STT	MÃ ĐẠI BIỂU	TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI DIỆN	TỶ LỆ
41	FTS.017089	2.000	0,0006%
42	FTS.011068	318.750	0,0920%
43	FTS.015945	202.910	0,0586%
44	FTS.010082	386.697	0,1116%
45	FTS.016197	364.253	0,1051%
46	FTS.002516	93.040	0,0269%
47	FTS.019752	14.550	0,0042%
48	FTS.019765	76.450	0,0221%
49	FTS.013604	465.016	0,1342%
50	FTS.009155	1.000	0,0003%
51	FTS.012333	1.000	0,0003%
52	FTS.011838	385.057	0,1111%
53	FTS.003393	100	0,0000%
54	FTS.008811	4.200	0,0012%
55	FTS.009810	1.000	0,0003%
56	FTS.006101	7.700	0,0022%
57	FTS.007449	1.700	0,0005%
58	FTS.019742	25	0,0000%
59	FTS.012422	5.300	0,0015%
60	FTS.006266	900	0,0003%
61	FTS.019768	1.700	0,0005%
62	FTS.009435	3.800	0,0011%
63	FTS.019769	8.200	0,0024%
64	FTS.019770	28.700	0,0083%
65	FTS.001785	200	0,0001%
66	FTS.013171	6.100	0,0018%
67	FTS.011795	17.600	0,0051%
68	FTS.012556	14.000	0,0040%
69	FTS.000037	9.529	0,0028%
70	FTS.012975	1	0,0000%
71	FTS.019771	1	0,0000%
72	FTS.019767	80.745.872	23,3034%
73	FTS.005573	1.000	0,0003%
74	FTS.011680	3	0,0000%
75	FTS.000110	11.990	0,0035%
76	FTS.019772	500	0,0001%
77	FTS.003277	500	0,0001%
78	FTS.001022	3.600	0,0010%
79	FTS.017178	136.660	0,0394%
80	FTS.019774	5.000	0,0014%
81	FTS.019775	5.200	0,0015%
82	FTS.013186	100	0,0000%
83	FTS.012651	1	0,0000%
84	FTS.013673	430	0,0001%
85	FTS.008503	48.300	0,0139%
86	FTS.001979	1	0,0000%
87	FTS.005264	69.900	0,0202%
88	FTS.011954	275.388	0,0795%

STT	MÃ ĐẠI BIỂU	TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU BIỂU QUYẾT ĐẠI DIỆN	TỶ LỆ
89	FTS.010668	3.500	0,0010%
90	FTS.000908	24.020	0,0069%
91	FTS.011550	200	0,0001%
92	FTS.009495	5	0,0000%
93	FTS.008701	5	0,0000%
94	FTS.019776	200	0,0001%
95	FTS.019777	2	0,0000%
96	FTS.012958	250.942	0,0724%
97	FTS.002858	298.660	0,0862%
98	FTS.000341	5.300	0,0015%
		233.619.269	67,4230%

